

Hướng dẫn cấu hình cơ bản Draytek Vigor 2927

MỤC LỤC

1. 2	
1. 1 Hình ảnh thiết bị	2
1. 2 Thông số kỹ thuật	3
2. 5	
2.1 Cấu hình PPOE	4
2.2 Cấu hình IPTV	7
2.3 Nat port	7

1. Tổng quan thiết bị

1.1 Hình ảnh thiết bị





- . Nối cáp LAN từ converter quang vào WAN 1
- . Kết nối LAN PORT (P1 đến P5) của Vigor với LAN của máy tính và AP...

1.2 Thông số kỹ thuật

Router VPN Wan kép chuyên nghiệp cho Doanh Nghiệp/ Nhà Hàng / Khách Sạn chịu tải 150 user- Hỗ trợ WiFi Marketing

- 2 cổng Wan Gigabit RJ45 (Wan 2 chuyển đổi từ port LAN 6)
- 5 cổng Lan Gigabit, hỗ trợ VLAN tag 802.1q chia 16 VLAN (8 Subnet)
- 2 cổng USB kết nối USB 3G/4G, Printer,...

- NAT Session: 60.000 / NAT Throughput: 1.8 Gbps (Dual Wan), chịu tải 150 user
- Cân bằng tải (cộng gộp băng thông) hoặc dự phòng các đường truyền internet (Loadbalance/ Failover)
- Hỗ trợ triển khai dịch vụ cao cấp: Static IP, PPOE, PPTP/L2TP, DHCP...
- Hỗ trợ các dịch vụ: Leasedline, L2VPN, L3VPN, MetroNET... trên sub interface (NAT hoặc Routing)
- Hỗ trợ đường truyền đa dịch vụ (IPTV, Internet, VoIP,...)
- VPN Server 50 kênh (PPTP, L2TP, IPsec(IKEv1, IKEv2), SSL), Open VPN + SSL VPN: 25
- IPsec VPN Performance: 290Mbps / SSL VPN Performance: 120Mbps
- Kiểm soát và quản lý băng thông giúp tối ưu hóa đường truyền internet
- Firewall mạnh mẽ, linh hoạt, quản trị phân quyền truy cập Internet (IP/MAC Address, Port Service, URL/Web content filter, schedule...), Firewall SPI dựa trên đối tượng, quản lý nội dung (CSM).
- Web portal: Hiện trang quảng cáo khi khách hàng kết nối internet
- Tích hợp Wi-Fi Marketing từ các nhà phát triển hàng đầu như Meganet, VNWIFI, Nextify...
- DrayDDNS tên miền động miễn phí của DrayTek
- Quản lý tập trung VPN cho 8 site Router Vigor khác qua Internet (CVM)
- Quản lý tập trung cho 20 Access Point (APM), 10 Switch (SWM)
- Quản lý tập trung Vigor 2927 bằng phần mềm DrayTek VigorACS 2 hoặc cloud DrayTek Free

2. Cấu hình chi tiết

2.1 Cấu hình PPOE

- Bước 1: Đăng nhập vào Vigor qua giao diện web:

<http://192.168.1.1>

Username: admin

Password: admin



DrayTek Vigor2927 Series

Login

Username:

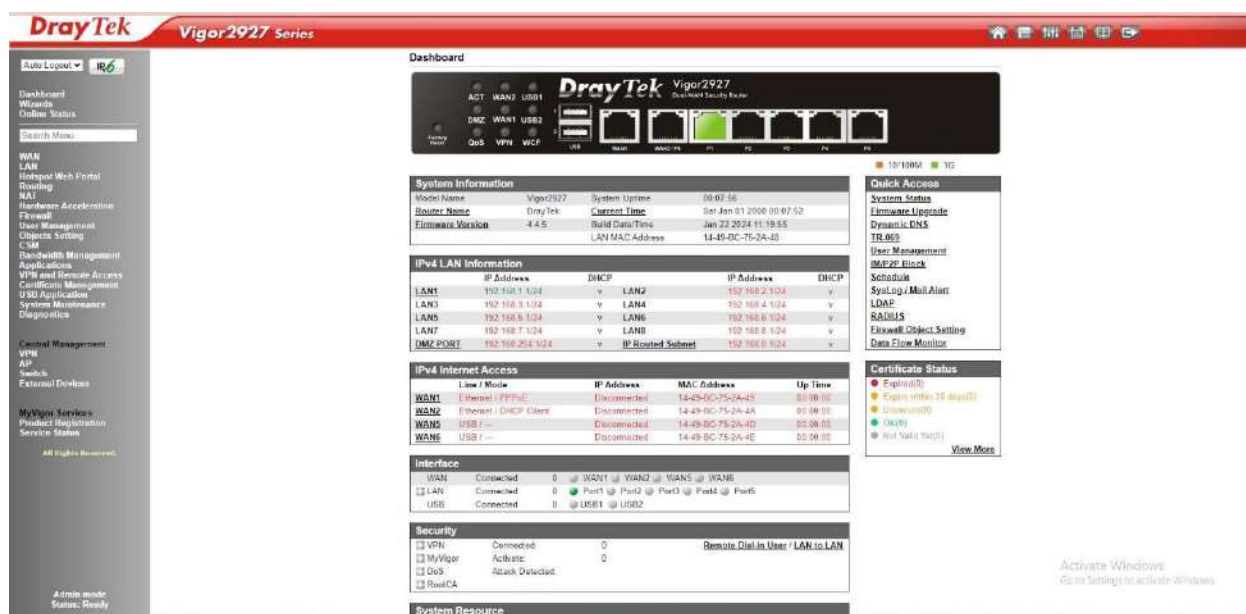
Password:

Language: English ▼

Login

Security Warning: You are logging in without encryption which is not recommended. To login securely [click here](#).

Copyright© 2000-2024 DrayTek Corp. All Rights Reserved.



DrayTek Vigor2927 Series

Dashboard

System Information

Model Name	Vigor2927	System Uptime	00:07:56
Router Name	DrayTek	Current Time	Sat Jan 01 2000 00:07:52
Firmware Version	4.4.5	Build Date/Time	Jan 22 2024 11:19:55
		LAN MAC Address	14-45-DC-75-24-40

IPv4 LAN Information

IP Address	DHCP	IP Address	DHCP
LAN1 192.168.1.1/24	v	LAN2 192.168.2.1/24	v
LAN3 192.168.3.1/24	v	LAN4 192.168.4.1/24	v
LAN5 192.168.5.1/24	v	LAN6 192.168.6.1/24	v
LAN7 192.168.7.1/24	v	LAN8 192.168.8.1/24	v
DMZ PORT 192.168.254.1/24	v	IP Routed Subnet 192.168.0.1/24	v

IPv4 Internet Access

Line / Mode	IP Address	MAC Address	Up Time
WAN1 Ethernet / PPPoE	Disconnected	14-45-DC-75-24-45	00:00:00
WAN2 Ethernet / DHCP Client	Disconnected	14-45-DC-75-24-4A	00:00:00
WAN3 USB / ...	Disconnected	14-45-DC-75-24-4D	00:00:00
WAN4 USB / ...	Disconnected	14-45-DC-75-24-4E	00:00:00

Interface

Interface	Status	Speed	Link
WAN	Connected	0	WAN1 @ WAN2 @ WAN3 @ WAN4
LAN	Connected	0	Port1 @ Port2 @ Port3 @ Port4 @ Port5
USB	Connected	0	@ USB1 @ USB2

Security

Feature	Status	Count	Action
VPN	Connected	0	Remote Dial in User / LAN to LAN
MyVigor	Active	0	
DoS	Attack Detected		
RootCA			

System Resource

Quick Access

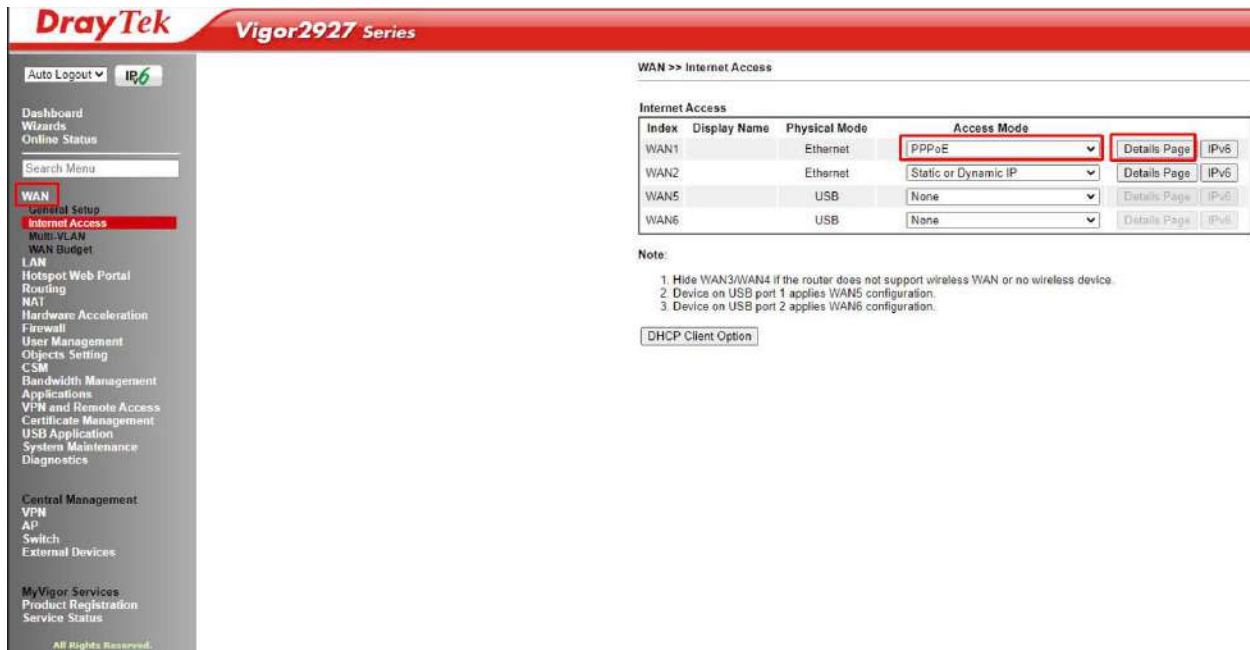
- System Status
- Firmware Upgrade
- Dynamic DNS
- TR-069
- User Management
- DMZ Block
- Schedule
- SysLog / Mail Alert
- LDAP
- RADIUS
- Firewall Object Setting
- Data Flow Monitor

Certificate Status

- Expired
- Expired within 15 days
- Unexpired
- Unexpired
- Unexpired
- Unexpired

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

- Bước 2: Cấu hình Internet



DrayTek Vigor2927 Series

Auto Logout IP6

Dashboard
Wizards
Online Status

Search Menu

WAN
WAN Setup
Internet Access
Multi-VLAN
WAN Budget
LAN
Hotspot Web Portal
Routing
NAT
Hardware Acceleration
Firewall
User Management
Objects Setting
CSM
Bandwidth Management
Applications
VPN and Remote Access
Certificate Management
USB Application
System Maintenance
Diagnostics

Central Management
VPN
AP
Switch
External Devices

MyVigor Services
Product Registration
Service Status

All Rights Reserved

WAN >> Internet Access

Internet Access

Index	Display Name	Physical Mode	Access Mode	Details Page	IPv6
WAN1		Ethernet	PPPoE	Details Page	IPv6
WAN2		Ethernet	Static or Dynamic IP	Details Page	IPv6
WAN5		USB	None	Details Page	IPv6
WAN6		USB	None	Details Page	IPv6

Note:

1. Hide WAN3/WAN4 if the router does not support wireless WAN or no wireless device.
2. Device on USB port 1 applies WAN5 configuration.
3. Device on USB port 2 applies WAN6 configuration.

DHCP Client Option

Vào WAN>>Internet Access>>WAN 1: Chọn Access Mode là PPPoE và nhấn Details Page

WAN >> Internet Access

WAN 1

PPPoE	Static or Dynamic IP	PPTP/L2TP	IPv6
☒ Enable ☐ Disable			
ISP Access Setup Service Name (Optional): FPT Username: hndsl-sup Password: ***** Index(1-15) in Schedule Setup: => 0 . 0 . 0 . 0		PPP/MP Setup PPP Authentication: PAP/CHAP/MS-CHAP/MS-CHAPv2 Idle Timeout: -1 second(s) IP Address Assignment Method (IPCP) WAN IP Alias: Fixed IP: ☐ Yes ☒ No (Dynamic IP) Fixed IP Address:	
PPPoE Pass-through ☐ For Wired LAN		☒ Default MAC Address ☐ Specify a MAC Address MAC Address: 14 49 BC 75 2A 49	
WAN Connection Detection Mode: PPP Detect			
MTU 1438 (Max:1500) Path MTU Discovery: Detect			
TTL Change the TTL value: Enable			

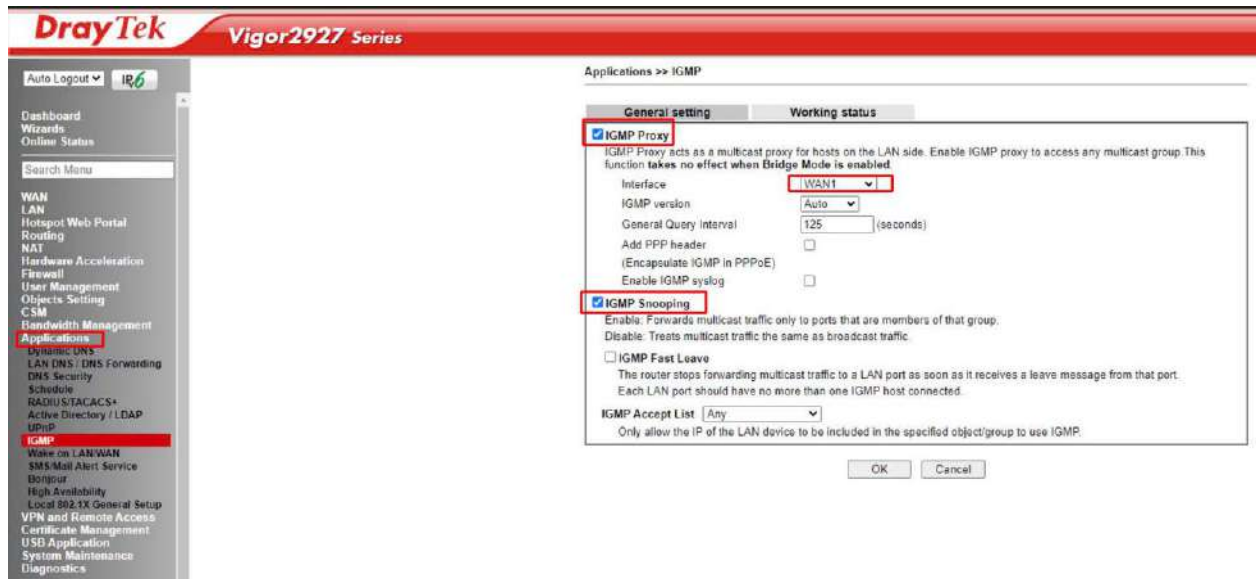
Note:

1. (Optional) Required for some ISPs. Leave blank if in doubt because the connection request might be denied if "Service Name" is incorrect.
2. VPN feature may be affected when the value of MTU is changed, please also check your value of VPN MSS in "**VPN and Remote Access >> PPP General Setup**" or "**VPN and Remote Access >> IPsec General Setup**" page. We recommend to put the same decreased value on VPN MSS. For example, reducing the MTU from 1500 -> 1400, then it will need to reduce 100 from MSS value.

OK Cancel

Tại tab PPPoE: chọn Enable, sau đó điền thông tin username, password, MTU và nhấn OK

Lúc này sẽ hiện thị thông báo yêu cầu khởi động lại Vigor>>OK



2.2 Cấu hình IPTV

- Bước 1: Vào Application>>IGMP rồi chọn cả 2 giao thức multicast là IGMP Proxy và IGMP Snooping
- Trong giao thức IGMP Proxy, Lưu ý chọn đúng interface WAN kết nối với đường truyền Internet FPT.

2.3 Nat port

➤ Đổi port router

- Mặc định, router DrayTek sử dụng các port 21, 22, 23, 80, 443, 8069. Nếu port server sử dụng không trùng với các port này, ta có thể bỏ qua bước này. Ví dụ, Cần NAT Web server ra ngoài với port 80. Vì port này đã trùng với port router, nên phải đổi port router thành port khác.
- Vào **System Maintenance >> Management**
- HTTP port: Mặc định 80, đổi thành port khác (ví dụ: 8080) Nhấn OK

IPv4 Management Setup	IPv6 Management Setup	LAN Access Setup
Router Name		
☐ Default:Disable Auto-Logout ☐ Enable Validation Code in Internet/LAN Access Note: IE8 and below version does NOT support DrayOS CAPTCHA auth code. Internet Access Control ☐ Allow management from the Internet Domain name allowed ☐ FTP Server ☐ HTTP Server ☒ Enforce HTTPS Access ☒ HTTPS Server ☐ Telnet Server ☐ TR069 Server ☐ SSH Server ☐ SNMP Server ☒ Disable PING from the Internet	Management Port Setup ☒ User Define Ports ☐ Default Ports Telnet Port 23 (Default: 23) HTTP Port 8080 (Default: 80) HTTPS Port 443 (Default: 443) FTP Port 21 (Default: 21) TR069 Port 8069 (Default: 8069) SSH Port 22 (Default: 22) Note: Ports 8001 and 8043 are used for Hotspot Web Portal. Brute Force Protection ☐ Enable brute force login protection ☐ FTP Server ☐ HTTP Server ☐ HTTPS Server ☐ Telnet Server	

Lưu ý: nếu đã đổi port web login router từ 80 ☐ 8080 thì sau này muốn đăng nhập vào router phải thêm :8080 (ví dụ: trước khi đổi đăng nhập router bằng http://192.168.1.1 thì sau khi đổi muốn đăng nhập vào router phải sử dụng: <http://192.168.1.1:8080>)

➤ NAT server ra ngoài

Có 3 cách: Port Redirection, Open Port, DMZ. Chỉ làm 1 trong 3, không làm cả 3

● Port Redirection

- Vào NAT >> Port Redirection, chọn 1 index
- Chọn Enable
- Mode: Chọn Single
- Service Name: Đặt tên dịch vụ
- Protocol: Chọn TCP

- WAN Interface: Chọn WAN cần NAT (Mặc định chọn ALL)
- WAN IP: Chọn IP Public
- Public Port: Port bên ngoài truy cập (có thể giống hoặc khác port cần NAT)
- Source IP: Những IP có thể truy cập server từ bên ngoài (mặc định là Any)
- Private IP: IP Server
- Private Port: Port cần NAT

NAT >> Port Redirection

Index No. 1

☒ Enable	
Mode	Single ▾
Service Name	WEB
Protocol	TCP ▾
WAN Interface	ALL ▾
Public Port	80
Source IP	Any ▾
Private IP	192.168.1.10
Private Port	80

Note:

In "Range" Mode the End IP will be calculated automatically once the Public Port and Start IP have been entered.

OK Clear Cancel

• Open Ports

Vào NAT >> Open Ports, chọn 1 index

- Chọn Enable Open Ports
- Comment: Đặt tên profile
- WAN Interface: Chọn WAN cần NAT
- Source IP: IP được phép truy cập server từ bên ngoài (mặc định Any)
- Private IP: IP server
- Protocol: Chọn TCP
- Start Port: Port bắt đầu
- End Port: Port kết thúc

NAT >> Open Ports >> Edit Open Ports

Index No. 1

☒ Enable Open Ports

Comment: WEB

WAN Interface: WAN1

Source IP: Any

Private IP: 192.168.1.10

	Protocol	Start Port	End Port		Protocol	Start Port	End Port
1.	TCP	80	80	2.	TCP/UDP	0	0
3.	TCP/UDP	0	0	4.	TCP/UDP	0	0
5.	TCP/UDP	0	0	6.	TCP/UDP	0	0
7.	TCP/UDP	0	0	8.	TCP/UDP	0	0
9.	TCP/UDP	0	0	10.	TCP/UDP	0	0

• DMZ

Vào NAT >> DMZ Host, Chọn WAN cần NAT

-Private IP: Điền IP server

-Nhấn OK

NAT >> DMZ Host Setup

DMZ Host Setup

WAN1	WAN2	WAN3	WAN4	LTE	WAN6
WAN6					
Enable: ☒					
Private IP: 192.168.1.10					
Choose IP					